

Số: /2020/QĐ-UBND

Vĩnh Phúc, ngày tháng năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành quy định chế độ báo cáo định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý nhà nước  
trong lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 06 năm 2014;  
Căn cứ Nghị định 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính  
phủ Quy định chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2019/TT-BXD ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Bộ Xây  
dựng hướng dẫn chi tiết về chế độ báo cáo định kỳ; sửa đổi, bổ sung, thay thế một  
số điều của các Thông tư liên quan đến chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi  
quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy  
định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng  
công trình;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1148 /TTr-SXD  
ngày 17 tháng 12 năm 2019 và Báo cáo số 275/BC-STP ngày 26 tháng 11 năm  
2019 của Sở Tư pháp về kết quả thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này bản Quy định chế độ báo cáo  
định kỳ phục vụ mục tiêu quản lý nhà nước trong lĩnh vực xây dựng trên địa bàn  
tỉnh Vĩnh Phúc.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 02 năm 2020.  
Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND  
các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành  
quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Xây dựng; Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- CPCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐB Quốc hội tỉnh; UBMTTQVN tỉnh;
- Cổng TTGTĐT tỉnh; TT Công báo tỉnh; Báo VP;
- CPVP UBND tỉnh;
- Như điều 2;
- CVNCTH;
- Lưu: VP, CN3

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Trì**

**QUY ĐỊNH**

**Chế độ báo cáo phục vụ mục tiêu quản lý nhà nước trong lĩnh vực xây dựng  
trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /2020/QĐ-UBND ngày / /2020  
của UBND tỉnh Vĩnh Phúc)*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy định này quy định chế độ báo cáo của các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trong lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Quy định này không bao gồm chế độ báo cáo thống kê ngành xây dựng theo quy định tại Thông tư số 07/2018/TT-BXD ngày 08/8/2018 của Bộ Xây dựng.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng, gồm: Sở Xây dựng; Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành; UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng, gồm: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng; Đơn vị vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị; Đơn vị sản xuất vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

**Điều 3. Nguyên tắc báo cáo**

1. Đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, đầy đủ phục vụ hiệu quả cho hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, đồng thời đáp ứng yêu cầu về chế độ báo cáo theo quy định của Chính phủ, Bộ Xây dựng.

2. Nội dung báo cáo phù hợp với quy định, số liệu báo cáo đầy đủ cơ sở, căn cứ và thông tin theo biểu mẫu kèm theo.

**Chương II**

**QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

**Điều 4. Báo cáo về tình hình hoạt động của các Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng**

1. Nội dung báo cáo: Báo cáo về tình hình hoạt động của các Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng quy định tại Điều 2 Thông tư số 02/2019/TT-BXD ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn chi tiết về chế độ báo cáo định kỳ (sau đây viết tắt là: Thông tư 02/2019/TT-BXD).

2. Đối tượng báo cáo: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực; Ban quản lý đầu tư xây dựng công trình tỉnh Vĩnh Phúc; Ban quản lý dự án sử dụng vốn vay nước ngoài; UBND các huyện, thành phố.

3. Cơ quan nhận báo cáo:

a) Cơ quan nhận báo cáo của các Ban quản lý dự án do UBND cấp huyện quản lý: UBND huyện, thành phố.

b) Cơ quan nhận báo cáo của UBND huyện, thành phố; Ban quản lý dự án do UBND tỉnh quản lý: Sở Xây dựng.

4. Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy, đồng thời gửi văn bản điện tử tới địa chỉ của cơ quan nhận báo cáo.

5. Tần suất thực hiện báo cáo: Định kỳ hằng năm.

6. Thời hạn gửi báo cáo:

a) Thời hạn báo cáo của Ban quản lý dự án do UBND cấp huyện quản lý: Ngày 10 tháng 12 của năm báo cáo.

b) Thời hạn báo cáo của UBND huyện, thành phố; Ban quản lý dự án do UBND tỉnh quản lý: Ngày 15 tháng 12 của năm báo cáo.

7. Mẫu đề cương báo cáo: Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Thông tư 02/2019/TT-BXD.

8. Quy trình báo cáo: Ban quản lý dự án gửi báo cáo theo quy định tại điểm 3 điều này; UBND huyện, thành phố tổng hợp số liệu của địa phương, báo cáo gửi về Sở Xây dựng để tổng hợp chung.

### **Điều 5. Báo cáo về tình hình quản lý chất lượng, an toàn lao động và giám định tư pháp trong lĩnh vực xây dựng**

1. Nội dung báo cáo: Báo cáo về tình hình quản lý chất lượng, an toàn lao động và giám định tư pháp trong lĩnh vực xây dựng quy định tại Điều 3 Thông tư 02/2019/TT-BXD.

2. Đối tượng báo cáo: Sở Giao thông vận tải; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Công thương; UBND các huyện, thành phố.

3. Cơ quan nhận, tổng hợp báo cáo: Sở Xây dựng.

4. Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy, đồng thời gửi văn bản điện tử tới địa chỉ của cơ quan nhận báo cáo.

5. Tần suất thực hiện báo cáo: Định kỳ hằng năm.

6. Thời hạn gửi báo cáo: Ngày 15 tháng 12 của năm báo cáo.

7. Mẫu đề cương báo cáo: Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo Thông tư 02/2019/TT-BXD.

## **Điều 6. Báo cáo tình hình quản lý cây xanh đô thị**

1. Nội dung báo cáo: Báo cáo tình hình quản lý cây xanh đô thị quy định tại Điều 4 Thông tư 02/2019/TT-BXD.

2. Đối tượng báo cáo: UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh.

3. Cơ quan nhận báo cáo: Sở Xây dựng.

4. Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy, đồng thời gửi văn bản điện tử tới địa chỉ của cơ quan nhận báo cáo.

5. Tần suất thực hiện báo cáo: Định kỳ hằng năm.

6. Thời hạn gửi báo cáo: Ngày 15 tháng 12 của năm báo cáo.

7. Mẫu đề cương báo cáo: Mẫu số 03 tại Phụ lục kèm theo Thông tư 02/2019/TT-BXD.

## **Điều 7. Báo cáo tình hình lập và quản lý cơ sở dữ liệu công trình ngầm**

1. Nội dung báo cáo: Báo cáo tình hình lập và quản lý cơ sở dữ liệu công trình ngầm quy định tại Điều 5 Thông tư 02/2019/TT-BXD.

2. Đối tượng báo cáo: UBND thành phố Vĩnh Yên; UBND thành phố Phúc Yên.

3. Cơ quan nhận báo cáo: Sở Xây dựng.

4. Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy, đồng thời gửi văn bản điện tử tới địa chỉ của cơ quan nhận báo cáo.

5. Tần suất thực hiện báo cáo: Định kỳ hằng năm.

6. Thời hạn gửi báo cáo: Ngày 15 tháng 12 của năm báo cáo.

7. Mẫu đề cương báo cáo: Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo

## **Điều 8. Báo cáo tình hình xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng**

1. Nội dung báo cáo: Báo cáo tình hình xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng quy định tại Điều 6 Thông tư 02/2019/TT-BXD.

2. Đối tượng báo cáo: UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh.

3. Cơ quan nhận báo cáo: Sở Xây dựng.

4. Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy, đồng thời gửi văn bản điện tử tới địa chỉ của cơ quan nhận báo cáo.

5. Tần suất thực hiện báo cáo: Định kỳ hằng năm.

6. Thời hạn gửi báo cáo: Ngày 15 tháng 12 của năm báo cáo.

7. Mẫu đề cương báo cáo: Mẫu số 02 tại Phụ lục kèm theo.

## **Điều 9. Báo cáo tình hình quản lý vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị**

1. Nội dung báo cáo: Báo cáo tình hình quản lý vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị quy định tại Điều 7 Thông tư 02/2019/TT-BXD.

2. Đối tượng báo cáo: Đơn vị quản lý vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị trên địa bàn tỉnh; UBND huyện, thành phố.

3. Cơ quan nhận báo cáo:

a) Cơ quan nhận báo cáo của Đơn vị quản lý vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị: UBND huyện, thành phố.

b) Cơ quan nhận báo cáo của UBND huyện, thành phố: Sở Xây dựng.

4. Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy, đồng thời gửi văn bản điện tử tới địa chỉ của cơ quan nhận báo cáo.

5. Tần suất thực hiện báo cáo: Định kỳ hằng năm.

6. Thời hạn gửi báo cáo:

a) Thời hạn báo cáo của Đơn vị quản lý vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị: Ngày 10 tháng 12 của năm báo cáo.

b) Thời hạn báo cáo của UBND huyện, thành phố: Ngày 15 tháng 12 của năm báo cáo.

7. Mẫu đề cương báo cáo: Mẫu số 03 tại Phụ lục kèm theo.

8. Quy trình báo cáo: Đơn vị quản lý vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị gửi báo cáo về UBND cấp huyện theo địa bàn quản lý; UBND huyện, thành phố tổng hợp số liệu của địa phương, báo cáo gửi về Sở Xây dựng để tổng hợp chung.

### **Điều 10. Báo cáo tình hình quản lý sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước**

1. Nội dung báo cáo: Báo cáo về tình hình quản lý sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước quy định tại Điều 8 Thông tư 02/2019/TT-BXD.

2. Đối tượng báo cáo: Đơn vị quản lý vận hành nhà ở thuộc sở hữu nhà nước; UBND huyện, thành phố.

3. Cơ quan nhận báo cáo:

a) Cơ quan nhận báo cáo của Đơn vị quản lý vận hành nhà ở thuộc sở hữu nhà nước: UBND huyện, thành phố.

b) Cơ quan nhận báo cáo của UBND huyện, thành phố: Sở Xây dựng.

4. Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy, đồng thời gửi văn bản điện tử tới địa chỉ của cơ quan nhận báo cáo.

5. Tần suất thực hiện báo cáo: Định kỳ hằng năm.

6. Thời hạn gửi báo cáo:

a) Thời hạn báo cáo của Đơn vị quản lý vận hành nhà ở thuộc sở hữu nhà nước: Ngày 10 tháng 12 của năm báo cáo.

b) Thời hạn báo cáo của UBND huyện, thành phố: Ngày 15 tháng 12 của năm báo cáo.

7. Mẫu đề cương báo cáo: Mẫu số 04 tại Phụ lục kèm theo Thông tư 02/2019/TT-BXD.

8. Quy trình báo cáo: Đơn vị quản lý vận hành nhà ở thuộc sở hữu nhà nước gửi báo cáo về UBND cấp huyện theo địa bàn quản lý; UBND huyện, thành phố tổng hợp số liệu của địa phương, báo cáo gửi về Sở Xây dựng để tổng hợp chung.

**Điều 11. Báo cáo về các hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng**

1. Nội dung báo cáo: Tổng hợp số liệu về sản xuất vật liệu xây dựng của địa phương, đơn vị.

2. Đối tượng báo cáo: Các đơn vị sản xuất vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh; UBND các huyện, thành phố.

3. Cơ quan nhận báo cáo:

a) Cơ quan nhận báo cáo của đơn vị sản xuất vật liệu xây dựng: UBND huyện, thành phố nơi đặt cơ sở sản xuất của đơn vị.

b) Cơ quan nhận báo cáo của UBND huyện, thành phố: Sở Xây dựng.

4. Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy, đồng thời gửi văn bản điện tử tới địa chỉ của cơ quan nhận báo cáo.

5. Tần suất thực hiện báo cáo: Định kỳ hằng năm.

6. Thời hạn gửi báo cáo:

a) Thời hạn báo cáo của Đơn vị sản xuất vật liệu xây dựng: Ngày 10 tháng 12 của năm báo cáo.

b) Thời hạn báo cáo của UBND huyện, thành phố: Ngày 15 tháng 12 của năm báo cáo.

7. Mẫu đề cương báo cáo:

a) UBND các huyện, thành phố: Mẫu số 04 tại Phụ lục kèm theo

b) Đơn vị sản xuất vật liệu xây dựng: Mẫu số 05 tại Phụ lục kèm theo

8. Quy trình báo cáo: Đơn vị sản xuất vật liệu xây dựng gửi báo cáo về UBND cấp huyện theo địa bàn quản lý; UBND huyện, thành phố tổng hợp số liệu của địa phương, báo cáo gửi về Sở Xây dựng để tổng hợp chung.

**Điều 12. Báo cáo kết quả thực hiện công tác thẩm định dự án, thiết kế, dự toán xây dựng công trình**

1. Nội dung báo cáo: Tổng hợp số liệu thẩm định dự án, thiết kế, dự toán công trình thuộc thẩm quyền của đơn vị theo quy định tại khoản 4 Điều 20 Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng công trình.

2. Đối tượng báo cáo: Sở Giao thông vận tải; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Công thương; UBND các huyện, thành phố.

3. Cơ quan nhận báo cáo: Sở Xây dựng.

4. Phương thức gửi, nhận báo cáo: Báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy, đồng thời gửi văn bản điện tử tới địa chỉ của cơ quan nhận báo cáo.
5. Tần suất thực hiện báo cáo: Định kỳ hằng quý và cả năm.
6. Thời hạn gửi báo cáo: Ngày 20 của tháng cuối Quý.
7. Mẫu đề cương báo cáo: Mẫu số 06 tại Phụ lục kèm theo

### **Chương III**

#### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 13. Trách nhiệm thực hiện:**

1. Sở Xây dựng:
  - a) Tổng hợp nội dung, số liệu định kỳ, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Xây dựng theo các quy định của Pháp luật về xây dựng.
  - b) Hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan thực hiện các nội dung chế độ báo cáo theo đúng quy định.
  - c) Thường xuyên tổ chức rà soát chế độ báo cáo để đề xuất UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.
2. UBND các huyện, thành phố: Hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trên địa bàn quản lý thực hiện các nội dung chế độ báo cáo. Tổng hợp nội dung, số liệu định kỳ, gửi báo cáo về Sở Xây dựng theo quy định.
3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo theo đúng nội dung, thời gian quy định.

**Điều 14.** Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh điều chỉnh cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Trì**

## PHỤ LỤC MẪU BÁO CÁO

(Kèm theo Quyết định số: /2020/QĐ-UBND ngày /2020 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc)

Mẫu số 01. Báo cáo tình hình lập và quản lý cơ sở dữ liệu công trình ngầm  
UBND THÀNH PHỐ ... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
----- Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-----

Số: ...../.....

....., ngày .... tháng .... năm ....

### BÁO CÁO TÌNH HÌNH LẬP VÀ QUẢN LÝ CƠ SỞ DỮ LIỆU CÔNG TRÌNH NGẦM

Kính gửi: Sở Xây dựng

Căn cứ [Thông tư số 11/2010/TT-BXD](#) ngày 17/8/2010 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn về quản lý cơ sở dữ liệu ngầm đô thị;

UBND thành phố Vĩnh Yên (Phúc Yên) báo cáo tình hình lập và quản lý dữ liệu công trình ngầm trên địa bàn như sau:

#### 1. Tình hình lập cơ sở dữ liệu:

- Công tác lập kế hoạch thập, điều tra khảo sát dữ liệu công trình ngầm;
- Công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện kế hoạch;
- Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định về quản lý cơ sở dữ liệu công trình ngầm.

#### 2. Kết quả thực hiện:

- Tổng hợp về cơ sở dữ liệu công trình ngầm đô thị;
- Tổ chức lưu trữ hồ sơ cơ sở dữ liệu công trình ngầm đô thị theo quy định của pháp luật về lưu trữ.
- Công tác quản lý và khai thác sử dụng cơ sở dữ liệu công trình ngầm;
- Tình hình thực hiện công tác hạ ngầm các đường dây, đường cáp đi nổi trên địa bàn;

#### 3. Kiến nghị, đề xuất:

- Các vấn đề khó khăn, vướng mắc quản lý và khai thác sử dụng cơ sở dữ liệu trên địa bàn
- Kiến nghị, đề xuất giải pháp khắc phục.

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**

(Chữ ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Lưu:.....

**Mẫu số 02. Báo cáo tình hình xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng**

**UBND CẤP HUYỆN**

-----

Số: ...../.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

....., ngày .... tháng .... năm .....

**BÁO CÁO  
TÌNH HÌNH XÂY DỰNG, QUẢN LÝ, SỬ DỤNG NGHĨA TRANG VÀ CƠ SỞ  
HỎA TÁNG**

Kính gửi: Sở Xây dựng

Căn cứ **Nghị định số 23/2016/NĐ-CP** ngày 5/4/2016 của Chính phủ về xây dựng, quản lý sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng;

UBND huyện (thành phố) ... báo cáo tình hình xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng trên địa bàn như sau:

**1. Tình hình xây dựng:**

- Kết quả lập quy hoạch;
- Kết quả đầu tư xây dựng, cải tạo, đóng cửa và di chuyển nghĩa trang theo quy hoạch;
- Diện tích đất nghĩa trang hiện có (ha)/ diện tích theo quy hoạch (ha).

**2. Công tác quản lý:**

- Các quy định về quản lý nghĩa trang, cơ sở hỏa táng; chính sách hỗ trợ, khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng trên địa bàn (nếu có);
- Tổ chức quản lý, khai thác sử dụng;
- Chi phí, giá dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng;
- Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng (%); số cơ sở hỏa táng, số lò hỏa táng.

**3. Kiến nghị, đề xuất:**

- Các vấn đề khó khăn, vướng mắc trong quản lý nghĩa trang, cơ sở hỏa táng trên địa bàn;
- Kiến nghị, đề xuất giải pháp khắc phục.

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**

(*Chữ ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu*)

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Lưu:.....

**Mẫu số 03. Báo cáo tình hình quản lý vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị**

**TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ  
BÁO CÁO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....

....., ngày .... tháng .... năm ....

**BÁO CÁO  
TÌNH HÌNH QUẢN LÝ VẬN HÀNH HỆ THỐNG CHIẾU SÁNG  
CÔNG CỘNG ĐÔ THỊ**

Kính gửi: .....

Căn cứ **Nghị định số 79/2009/NĐ-CP** ngày 28/9/2009 của Chính phủ về quản lý chiếu sáng đô thị;

Cơ quan (đơn vị) báo cáo tình hình quản lý vận hành hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị như sau:

**1. Tình hình thực hiện:**

- Kế hoạch đầu tư phát triển hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị theo quy hoạch đô thị hoặc quy hoạch chiếu sáng đô thị được duyệt;
- Tình hình lập và tổ chức thực hiện kế hoạch hằng năm về xây dựng mới, thay thế, cải tạo, duy trì bảo dưỡng hệ thống chiếu sáng công cộng đô thị;
- Công tác triển khai thay thế và sử dụng sản phẩm chiếu sáng hiệu suất cao, tiết kiệm điện trên địa bàn;

**2. Kết quả thực hiện:**

- Hiện trạng về số lượng bóng đèn đang sử dụng theo loại nguồn sáng (*Led, Sodium, thủy ngân cao áp ...*);
- Hiện trạng tỷ lệ chiều dài đường đô thị được chiếu sáng (tính từ đường khu vực trở lên);
- Hiện trạng tỷ lệ chiều dài đường khu nhà ở, ngõ xóm được chiếu sáng.

**3. Kiến nghị, đề xuất:**

- Các vấn đề khó khăn, vướng mắc;
- Kiến nghị, đề xuất giải pháp khắc phục.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu:....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**  
(*Chữ ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu*)

**Mẫu số 04. Báo cáo lĩnh vực vật liệu xây dựng của UBND cấp huyện**

**UBND CẤP HUYỆN**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số: ...../.....

....., ngày .... tháng .... năm ....

**BÁO CÁO  
VỀ LĨNH VỰC VẬT LIỆU XÂY DỰNG**

Kính gửi:

- UBND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Xây dựng.

1. Tình hình sử dụng vật liệu xây không nung tại địa phương;
2. Tình hình xóa bỏ các lò sản xuất gạch đất sét nung thủ công tại địa phương;
3. Các số liệu trong lĩnh vực vật liệu xây dựng

TT	Tên cơ sở sản xuất	Địa điểm sản xuất	Đơn vị tính	Tổng công suất		Sản lượng tiêu thụ trong năm	Địa chỉ liên hệ		Ghi chú
				Thiết kế	Thực tế		Địa chỉ	Số điện thoại	
I	Xi măng								
1									
2..									
II	Gạch ốp lát								
1									
2..									
III	Sứ vệ sinh								
1									
2..									
IV	Kính xây dựng								
..									

**Ghi chú:** Thống kê các cơ sở sản xuất: Xi măng; Gạch ốp lát; Sứ vệ sinh; Kính xây dựng; Vôi công nghiệp; Vật liệu xây nung; Vật liệu xây không nung; Tấm lợp fibro xi măng; Đá ốp lát; Đá xây dựng; Cát xây dựng.

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**  
(*Chữ ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu*)

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu:....

**Mẫu số 05. Báo cáo số liệu về lĩnh vực vật liệu xây dựng của Cơ sở sản xuất**

**TÊN CƠ SỞ SẢN XUẤT**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

Số: /.....

....., ngày ... tháng .... năm...

**BÁO CÁO  
CÁC SỐ LIỆU VỀ LĨNH VỰC SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG**

Kính gửi: UBND huyện, thành phố...

- 1. Tên đơn vị sản xuất:**
- 2. Địa chỉ cơ sở sản xuất:**
- 3. Địa chỉ liên hệ:**
- 4. Số điện thoại liên hệ:**
- 5. Số liệu sản xuất:**

TT	Chủng loại vật liệu sản xuất	Đơn vị tính	Tổng công suất		Sản lượng tiêu thụ trong năm	Ghi chú
			Thiết kế	Thực tế		
1						
2						

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ BÁO CÁO**

(Ký tên, đóng dấu)

**Nơi nhận:**

- Như trên (để báo cáo);
- Lưu VT, đơn vị..





- Công trình công nghiệp	2																	
- Công trình hạ tầng kỹ thuật	3																	
- Công trình giao thông	4																	
- Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	5																	
<b>Vốn khác</b>																		
- Công trình dân dụng	1																	
- Công trình công nghiệp	2																	
- Công trình hạ tầng kỹ thuật	3																	
- Công trình giao thông	4																	
- Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	5																	

**Ghi chú:**

- Tổng mức đầu tư của dự án sau thẩm định có tỷ lệ % tăng/giảm nhiều nhất: +....%; -...%
- Dự toán sau thẩm định của công trình có tỷ lệ % tăng/giảm nhiều nhất: +....%; -%;
- (1): Tổng số dự án trong quá trình thẩm định phải sửa đổi để đảm bảo tuân thủ quy định tại Điều 58 Luật Xây dựng.
- (2): Tổng số thiết kế cơ sở của dự án trong quá trình thẩm định phải sửa đổi để bảo đảm tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều 58 Luật Xây dựng.
- (3): Tổng số thiết kế xây dựng công trình phải sửa đổi để đảm bảo an toàn chịu lực.
- Tỷ lệ % tăng/giảm nhiều nhất được tính cho một dự án, một công trình.

